

Số: 407/QĐ-Tr.TH

Hạ Long, ngày 9 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố, công khai một số khoản thu dịch vụ phục vụ năm học 2023-2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC HẠ LONG

Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục;

Căn cứ vào Nghị quyết 34/2021/HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc quy định một số khoản thu dịch vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ vào công văn 2593/HD-SGD&ĐT, ngày 19/9/2023 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh về việc hướng dẫn thực hiện Nghị quyết 34;

Căn cứ vào biên bản họp Ban Đại diện CMHS nhà trường, hội đồng trường và giáo viên, nhân viên ngày 25/8/2023;

Căn cứ vào biên bản họp Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp đầu năm học 2023 - 2024 (8h->9h) ngày 7/10/2023;

Căn cứ vào biên bản họp toàn thể cha mẹ học sinh các lớp (9h-> 11h) ngày 7/10/2023 năm học 2023-2024;

Căn cứ vào biên bản họp BDDCM HS toàn trường ngày 7/10/2023 về việc thống nhất các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục Năm học 2023- 2024;

Căn cứ vào Nghị quyết họp hội đồng trường nhà trường nhất trí với đề xuất một số khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2023-2024;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định công bố, công khai các khoản thu, mức thu, dự toán chi phục vụ Tổ chức bán trú, Nước uống, chi phí sử dụng điện máy điều hòa lớp học năm học 2023-2024 của trường Tiểu học Hạ Long.

(Có phụ lục số 01,02,06 kèm theo)

Điều 2: Quyết định có hiệu lực từ ngày kí.

Điều 3. Bộ phận Kế toán, các tập thể, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- Đảng uỷ, HĐND, UBND phường Hồng Gai (b/c);
- Thành viên Hội đồng trường (g/s);
- Ban thanh tra nhân dân (g/s);
- Công khai trên web site nhà trường;
- Lưu: KT, VT



Nguyễn Thị Thu Thủy

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ TỔ CHỨC BÁN TRÚ TẠI TRƯỜNG NĂM HỌC 2023-2024
"Kèm theo QĐ số 407/QĐ-Tr.TH ngày 9/10/2023 của trường TH Hạ Long"

- Căn cứ vào biên bản họp số: 309/BB-Tr.TH ngày 25/8/2023 của Trường TH Hạ Long Hóp Ban Đại diện cha mẹ HS nhà trường, Hội đồng trường và giáo viên, nhân viên "V/v Triển khai tổ chức các dịch vụ hỗ trợ các hoạt động giáo dục năm học 2023-2024";
- Căn cứ kế hoạch số 318/KH-Tr.TH ngày 29/8/2023 của Trường TH Hạ Long "Tổ chức các hoạt động dịch vụ trong nhà trường năm học 2023-2024";
- Căn cứ vào biên bản họp số: 398/BB-Tr.TH ngày 06/10/2023 của Trường TH Hạ Long Hóp Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường và giáo viên "V/v thống nhất việc tổ chức các dịch vụ hỗ trợ các hoạt động giáo dục năm học 2023-2024";
- Căn cứ vào biên bản họp số: 400/BB-Tr.TH ngày 7/10/2023 của Trường TH Hạ Long "Hóp Ban Đại diện CMHS và Trường Ban đại diện CMHS 49 lớp về việc triển khai nhiệm vụ năm học & thống nhất thực hiện các khoản thu dịch vụ năm 2023-2024";
- Tổng số học sinh: 1.704, HS tham gia dịch vụ: 1.680/35 hs = 48 lớp
Mức thu: Tiền quản lý học sinh trong giờ bán trú: 6.300đ/hs/ngày x 22 ngày = 138.600đ/hs/tháng
Tiền chi phí trực tiếp: Đặt cơm suất: 22.000đ/hs/ngày x 22 ngày = 484.000đ/hs/tháng
Tiền chi phí gián tiếp (Điện, nước, vật tư dụng cụ vệ sinh): 500đ/hs/ngày x 22 ngày = 11.000đ/hs/tháng
28.800đ/hs/ngày x 22 ngày = 633.600đ/hs/tháng

Tổng cộng:

I. Dự toán chi:

TT	Nội dung	Tỷ lệ tối thiểu (%)	Phần chi				Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số chi cả năm học	
A	B	1	2	3	4=2*3	5	6=4*5
	Tổng chi 1+2			-	232.831.960		2.095.487.640
1	Quản lý học sinh trong giờ bán trú				227.412.000		2.046.708.000
	Chi trả giáo viên trực tiếp quản lý hs trong giờ bán trú.	Người	48	4.435.000	212.880.000,00	9	1.915.920.000,00
	Chi cho cán bộ quản lý (người tham gia trực tiếp vào công tác này)						
	- Kế toán	Người	1	3.180.000	3.180.000	9	28.620.000,00
	Y tế kiểm nhiệm (người giám sát số lượng giao, nhận suất cơm hàng ngày)	Người	1	2.427.000	2.427.000	9	21.843.000,00
	- Lãnh đạo phụ trách			8.925.000,00	8.925.000,00		80.325.000,00
	Hiệu trưởng		1	3.180.000	3.180.000	9	28.620.000,00
	PHT (Đ/c Đình Thanh Nhân)		1	3.180.000	3.180.000	9	28.620.000,00
	PHT (Đ/c Vũ Thu Hường)		1	2.565.000	2.565.000	9	23.085.000,00
2	Thuế				5.419.960		48.779.640
	2% nộp thuế DV	Tháng	1		4.656.960	9	41.912.640,00
	Hóa đơn điện tử (gói 16.000 hóa đơn x 429 đ = 6.864.000đ/9 T= 763.000đ/tháng)	Tháng	1		763.000	9	6.867.000,00

3.2	Các chi phí gián tiếp					18.472.896		166.256.064	
	Điện nước					307.896		2.771.064	
	Quạt trần : 75 w/chiếc	KW	50	1948		97.400	9	876.600	192 chiếc *75w* 3,5h = 50 số điện (48 lớp x 4 quạt)
	Bóng đèn tuýp: 40w/ chiếc	KW	77	1948		149.996	9	1.349.964	960 cái x 40W x 2 h =76,8 số điện (48 lớp x 20 bóng)
	Tiền nước	M3	4	15.125		60.500	9	544.500	400m3đ/22 ngày/8h x 2h= 4m3
	Vật tư dụng cụ vệ sinh					18.165.000		163.485.000	
	Giấy gói trúc loại Việt nam	Dây	96	60.000		5.760.000	9	51.840.000	2dây/lớp (48 lớp x 2 giây = 96 dây)
	Nước lau sàn Sunlight loại 3,6 lít	Can	30	103.500		3.105.000	9	27.945.000	2can/tầng x 15 tầng = 30 can (Khu 1: 5 tầng, Khu 2: 4, khu 3: 4 tầng, khu 5: 2 tầng= 15 tầng)
	Nước rửa tay lifebuoy Loại 3,8 lít	Can	30	310.000		9.300.000	9	83.700.000	2 can/tầng x 15 tầng = 30 can (Khu 1: 5 tầng, Khu 2: 4, khu 3: 4 tầng, khu 5: 2 tầng= 15 tầng)
4	Chi phí tư vấn đấu thầu (chi theo thực tế)								Áp dụng Khoản 7, Điều 9, ND 63/2014/NĐ-CP. Giới từ 3,5 tỷ đến 5 tỷ: Tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT: 18.000.000đ, Tư vấn thẩm định HSMT và kết quả LCNT: 9.000.000đ. Từ 5 tỷ đồng trở lên theo thỏa thuận

II Dự toán thu

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
Quản lý học sinh trong giờ bán trú				
1	Tổng kinh phí chi năm	Đồng	43.655.993	4.850.666
2	Số hs/lớp	Hs/lớp	35	
3	Tổng số tháng học	Tháng	9	
4	Tổng số giờ quản lý/ tháng	Giờ	66	
5	Tổng số giờ quản lý/ năm (5=3*4)	Giờ	594	
6	Số tiền thu 1 giờ quản lý/ lớp (6=1/5)	Đồng	73.495	
7	Số tiền thu 1 học sinh/giờ quản lý 7=6/2)	Đồng	2.100	6.300
Chi phí trực tiếp: (Tiền ăn)				
1	Tổng kinh phí chi năm	Đồng	7.484.336.064	
2	Tổng số hs	Trẻ	1680	
3	Tổng số tháng học	Tháng	9	
4	Số tiền thu 1 hs/tháng (4=1/2/3)	Đồng	494.996	
5	Số tiền thu 1 học sinh/tháng (5=4/22 ngày)	Đồng	22.500	22.000
Các chi phí gián tiếp (Điện, nước, vật tư vệ sinh)				
1	Tổng kinh phí chi năm	Đồng	166.256.064	
2	Tổng số hs	Trẻ	1680	
3	Tổng số tháng học	Tháng	9	
4	Số tiền thu 1 hs/tháng (4=1/2/3)	Đồng	10.996	
5	Số tiền thu 1 học sinh/tháng (5=4/22 ngày)	Đồng	500	500

Ban đại diện cha mẹ học sinh
Trưởng ban

Đại diện công đoàn nhà trường
CTCB

Kế toán

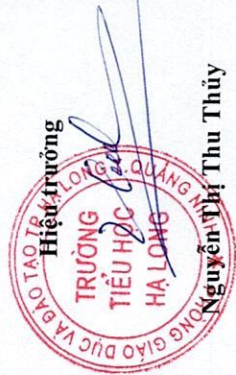
Hiệu trưởng

Lê Việt Hà

Đỗ Thị Hải Ninh

Đoàn Thị Thanh

Nguyễn Thị Thu Thủy



Phụ lục số 2

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ NƯỚC UỐNG HỌC SINH NĂM HỌC 2023-2024

"Kèm theo QĐ số 407/QĐ-Tr.TH ngày 9/10/2023 của trường TH Hạ Long"

- Căn cứ vào biên bản họp số: 309/BB-Tr.TH ngày 25/8/2023 của Trường TH Hạ Long Hóp Ban Đại diện cha mẹ HS nhà trường, Hội đồng trường và giáo viên, nhân viên "V/v Triển khai tổ chức các dịch vụ hỗ trợ các hoạt động giáo dục năm học 2023-2024";

- Căn cứ kế hoạch số 318/KH-Tr.TH ngày 29/8/2023 của Trường TH Hạ Long "Tổ chức các hoạt động dịch vụ trong nhà trường năm học 2023-2024";

- Căn cứ vào biên bản họp số: 398/BB-Tr.TH ngày 06/10/2023 của Trường TH Hạ Long Hóp Ban Đại diện cha mẹ học sinh nhà trường và giáo viên "V/v thống nhất việc tổ chức các dịch vụ hỗ trợ các hoạt động giáo dục năm học 2023-2024";

- Căn cứ vào biên bản họp số: 400/BB-Tr.TH ngày 7/10/2023 của Trường TH Hạ Long "Hóp Ban Đại diện CMHS và Trường Ban đại diện CMHS 49 lớp về việc triển khai nhiệm vụ năm học & thống nhất thực hiện các khoản thu dịch vụ năm 2023-2024";

- Giá nước 1 bình 18,9 lít, đã bao gồm thuế và công vận chuyển lên sân trường tầng 1 khu nhà số 1: 36.000đ/bình.

I. Dự toán chi:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	Ghi chú
A	B	1	2	3	4=2*3	5	6=4*5	11
I.	Đối với cơ sở giáo dục mua nước uống							
	<u>Đối với học 02 buổi/ngày</u>							
1	Mua nước uống	Bình	452	36.000	16.272.000	9	146.448.000	- Bình quân số lượng nước uống 01 lớp/ 2 buổi (0,23 lít x 0,23lít/ngày - Bình quân số lượng nước uống 01 lớp/ tháng (7,981 lít x 22 ngày= 175,582 lít/tháng/1lớp) - Số lượng nước uống tổng các lớp/ tháng (175,582 x 49 lớp = 8.603 lít/ tháng/18,9 = 455 bình/tháng)
2	Người phục vụ quản lý, cấp phát nước	Phòng	49	120.000	5.880.000	9	52.920.000	Do đặc thù nhà trường cao và dốc
	Tổng cộng				22.152.000		199.368.000	

II Dự toán thu

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng kinh phí chi	Đồng	199.368.000	
2	Tổng số học sinh toàn trường	HS	1.704	
3	Tổng số tháng học	Tháng	9	
4	Số tiền thu học sinh/tháng (7=1/2/3)	Đồng	13.000	13.000

Ban đại diện cha mẹ học sinh

Trưởng/ban

Lê Việt Hà

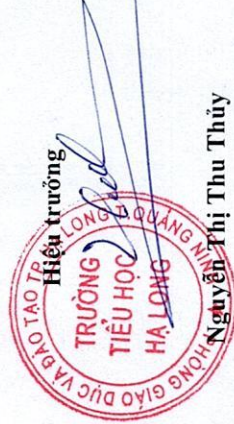
Đại diện công đoàn nhà trường

CTCD

Đỗ Thị Hải Ninh

Kế toán

Đoàn Thị Thanh



Nguyễn Thị Thu Thủy

Phụ lục số 6
DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ SỬ DỤNG ĐIỆN MÁY ĐIỀU HOÀ LỚP HỌC NĂM HỌC 2023-2024
"Kèm theo QĐ số 407/QĐ-Tr.TH ngày 9/10/2023 của trường TH Hạ Long"

- Căn cứ vào biên bản họp số: 309/BB-Tr.TH ngày 25/8/2023 của Trường TH Hạ Long Họp Ban Đại diện cha mẹ HS nhà trường, Hội đồng trường và giáo viên, nhân viên "V/v Triển khai tổ chức các dịch vụ hỗ trợ các hoạt động giáo dục năm học 2023-2024";
- Căn cứ kế hoạch số 318/KH-Tr.TH ngày 29/8/2023 của Trường TH Hạ Long "Tổ chức các hoạt động dịch vụ trong nhà trường năm học 2023-2024";
- Căn cứ vào biên bản họp số: 398/BB-Tr.TH ngày 06/10/2023 của Trường TH Hạ Long Họp Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường và giáo viên "V/v thống nhất việc tổ chức các dịch vụ hỗ trợ các hoạt động giáo dục năm học 2023-2024";
- Căn cứ vào biên bản họp số: 400/BB-Tr.TH ngày 7/10/2023 của Trường TH Hạ Long "Họp Ban Đại diện CMHS và Trường Ban đại diện CMHS 49 lớp về việc thống nhất thực hiện các khoản thu dịch vụ năm 2023-2024";
- Tổng số học sinh tham gia dịch vụ: 1.704. Số HS tham gia dịch vụ: 1.680, Số HS k tham gia: 24 Mức thu HS tham gia dịch vụ: 17.745đ/hs/tháng, HS không tham gia dịch vụ: 7.605đ/hs/tháng.

I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Phần chi				Phần thu			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng		Số chi cả năm học		Số học sinh	Mức thu (Học sinh/tháng)	
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	Số tháng	
A	B	l	2	3	4=2*3	5	6=4*5		l l
A	Tên thiết bị điều hoà các lớp (Dự kiến)								
1	Điều hòa nagakawa: 1.200 BTU (1,4 kw x 2 cái x 7h/ngày x 22 ngày x 49 lớp) = 21.128 kw)	đồng	15.397	1948	29.993.356	6	179.960.136		(1.680 hs x 7 h= 11.760h)+ (27 hs x 3 h)= 72h) = 11.832h. (30.000.000đồng/11.832h = 2.535 đồng). (2.535đ x 7 h = 17.745đ/hs/T).
1.1	Dự kiến: HS tham gia dịch vụ: 6h/ngày (trừ thời gian ĐH tự ngắt)						1.680	17.745	6 178.869.600
1.2	Dự kiến:: HS không tham gia dịch vụ: 3h/ngày (trừ thời gian ĐH tự ngắt)						24	7.605	6 1.095.120
	Cộng						1.704	25.350	179.964.720

